ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA GIỮA KÌ I - ĐỊA LÍ 12

BÀI 1: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

VỊ TRÍ

- Rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm ĐNA, múi giờ số 7
- Giáp 3 nước trên đất liền và 8 nước trên biển.
- Hệ tọa độ:
- Gắn với lục địa Á – Âu, Biển Đông và thông với Thái Bình Dương.
- Ngã tư hàng hải, hàng không.
- Khu vực kinh tế năng động
- Hoàn toàn trong nội chí tuyến, liền kề vành đai sinh khoáng. Khu vực Khí hậu nhiệt đới gió mùa Châu Á.
- Nhiều thiên tai

LÃNH THỔ

1. Vùng đất: đất liền và hải đảo.

- Diện tích 331.212 km2.
- Biên giới dài 4600km. Đặc điểm đường biên giới.
- Chủ yếu là đảo ven bờ. Hai quần đảo xa bờ Hoàng Sa (Đà Nẵng), Trường Sa (Khánh Hòa).

2. Vùng biển: 1 triệu km2

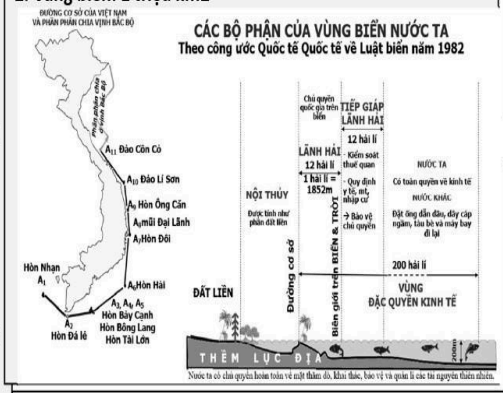

3. Vùng trời: khoảng không gian bao trùm

- Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.
- Trên biển là ranh giới bên ngoài của lãnh hải và không gian các đảo.

ẢNH HƯỞNG

1. Tự nhiên: trực tiếp, quy định đặc điểm tự nhiên

- Nằm trong vùng nội chí tuyến -> gió Tín Phong, tính nhiệt đới; khu vực gió mùa châu Á -> mùa; Giáp biển, chịu tác động sâu sắc của biển -> ẩm
- Trên đường di cư nhiều loài -> sinh vật đa dạng.
- Liền kề 2 vành đai sinh khoáng -> Khoáng sản
- Vị trí và đặc điểm lãnh thổ -> phân hoá thiên nhiên đa dạng
- Khó khăn: Thiên tai (bão, lũ lụt, hạn hán,...)

2. Kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng

- Mở cửa, hội nhập, thu hút đầu tư.
- Kinh tế biển

Liền kề các nước có nhiều nét tương đồng, mối giao lưu lâu đời -> Chung sống hòa bình, hữu nghị và cùng phát triển

- Là khu vực quân sự đặc biệt quan trọng
- Biển Đông có ý nghĩa đặc biệt

Hương Địa - Cohuongdia

DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1. Vị trí địa lí nước ta

A. nằm ở bờ đông của Thái Bình Dương. **B.** gần với chí tuyến bán cầu Nam.
C. thuộc khu vực khí hậu ôn đới. **D.** nằm trong khu vực gió mùa châu Á.

Câu 2. Vị trí địa lí của nước ta

A. trải dài theo chiều từ Bắc xuống Nam. **B**. Lãnh thổ gồm vùng trời và vùng biển.
C. Ít đảo, không có quần đảo nằm xa bờ. **D**. Tất cả các tỉnh đều có đường biên giới.

Câu 3. Lãnh thổ nước ta

A. có đường biên giới chung với nhiều nước. **B.** nằm hoàn toàn trong vùng xích đạo.
C. có vùng đất rộng lớn hơn vùng biển. **D.** chỉ tiếp giáp với các quốc gia trên biển.

Câu 4. Vùng đất của nước ta

A. bao gồm phần đất liền và các hải đảo. **B.** có diện tích lớn gấp ba lần vùng biển.
C. đường biên giới chủ yếu là đồng bằng. **D.** có đường biên giới ngắn nhất với Lào.

Câu 5. Vị trí địa lí nước ta nằm ở

A. bờ phía tây của Ấn Độ Dương. **B.** phía đông của Thái Bình Dương.
C. vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc. **D.** rìa phía nam của vùng xích đạo.

Câu 6: Bộ phận nào sau đây thuộc vùng biển nước ta nằm ở phía trong đường cơ sở?

A. Lãnh hải. **B.** Vùng tiếp giáp lãnh hải. **C.** Nội thủy **D.** Vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 7: Vùng biển của nước ta

A. diện tích khoảng 1 triệu km^2. **B**. giáp với vùng biển của 3 nước.
C. gồm toàn bộ phần đất liền. **D**. thông ra đại dương Ấn Độ Dương.

Câu 8: Vị trí địa lí của nước ta

A. gần trung tâm Đông Nam Á. **B.** trong vùng không có thiên tai.
C. không giáp với biển. **D.** ở phía tây bán đảo Đông Dương.

Câu 9: Vị trí địa lí của nước ta

A. trong vùng nội chí tuyến. **B.** trong vùng không có thiên tai.

C. nằm ở trung tâm châu Á. **D.** ở phía tây bán đảo Đông Dương.

Câu 10. Vùng lãnh hải của nước ta

A. ở bên ngoài lãnh hải. **B.** liền kề vùng nội thủy.

C. tiếp giáp với bờ biển. **D.** có chiều rông 24 hải lí.

Câu 11. Vị trí địa lí của nước ta nằm trong vực hoạt động của gió mùa châu Á nên

A. khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới ẩm **B**. khí hậu nước ta mang tính chất ẩm

C. khí hậu nước ta có sự phân hóa phức tạp **D**. khí hậu nước ta thay đổi theo mùa.

Câu 12. Nước ta có vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương liền kề với vành đai sinh khoáng nên có

A. nhiều tài nguyên khoáng sản. **B**. nhiều tài nguyên sinh vật.

C. thiên nhiên phân hóa đa dạng **D**. nhiều thiên tai nhiệt đới.

Câu 13: Lãnh thổ toàn vẹn của nước ta bao gồm

A. vùng đất, vùng biển và vùng trời. **B.** vùng biển, vùng trời và quần đảo.

C. đất liền, vùng biển và các hải đảo. **D.** phần đất liền, hải đảo và vùng trời.

Câu 14: Vùng đất của nước ta

A. lớn hơn vùng biển nhiều lần. **B.** thu hẹp theo chiều bắc - nam.

C. chỉ giáp biển về phía đông. **D.** gồm phần đất liền và hải đảo.

Câu 15: Vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển của nước ta là vùng

A. thềm lục địa. **B.** lãnh hải. **C.** đặc quyền kinh tế. **D.** tiếp giáp lãnh hải.

Câu 16. Sự phân hóa đa dạng của tự nhiên nước ta là do

A. đặc điểm của vị trí địa lí và hình thể nước ta. **B**. địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp.

C. vị trí chuyển tiếp giữa lục địa và đại dương. **D**. chịu ảnh hưởng của gió mùa, Biển Đông.

Câu 17. Việt Nam có nguồn tài nguyên sinh vật vô cùng phong phú là do

A. nằm liền kề với vành đai sinh khoáng của Thái Bình Dương.

B. Nằm trên đường di lưu và di cư của nhiều loài động, thực vật.

C. nằm trong vùng nội chí tuyến Bác bán cầu, giáp biển Đông.

D. nằm liền kề với vành đai sinh khoáng của vùng Địa Trung Hải.

Câu 18. Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lí của nước ta?

A. Nằm ở phía nam của châu Á. **B.** Nằm ở khu vực ít chịu ảnh hưởng gió mùa châu Á.

C. Nằm ở khu vực nội chí tuyến bán cầu nam. **D.** Nằm ở khu vực có nhiều thiên tai trên thế giới.

Câu 19. Đặc điểm nào sau đây ***không*** đúng với vị trí địa lí và hình dạng lãnh thổ nước ta?

A. Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương. **B.** Trên đất liền tiếp giáp với 3 nước.

C. Giáp vùng biển rộng lớn ở phía tây. **D.** Lãnh thổ trải dài trên khoảng 15^0 vĩ tuyến.

Câu 20. Đặc điểm nào sau đây ***không*** đúng với vùng đất của nước ta?

A. Gồm diện tích đất liền cộng các hải đảo. **B.** Tiếp giáp với 3 nước ở các phía bắc, tây, và tây nam.

C. Có đường bờ biển kéo dài từ Quảng Ninh tới Cà Mau. **D.** Có hơn 4000 đảo lớn nhỏ và 2 quần đảo xa bờ.

Câu 21. Đặc điểm nào sau đây đúng với vùng biển nước ta?

A. Có diện tích nhỏ hơn đất liền.

B. Thuộc vùng biển của Ấn Độ Dương.

C. Có chung vùng biển với 9 nước láng giềng.

D. Bao gồm các vùng: nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp, đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

Câu 22: Đại bộ phận lãnh thổ của nước ta nằm trong múi giờ số 7 là do

A. nước ta trải dài nhiều vĩ độ và địa hình phân hóa. **B.** lãnh thổ của nước ta trải dài theo chiều Bắc-Nam.

C. nằm trong vùng nội chí tuyến thuộc bán cầu Bắc.**D.** kinh tuyến 105^0Đ chạy qua lãnh thổ của nước ta.

Câu 23: Việc thông thương qua lại giữa nước ta với các nước láng giềng chỉ có thể tiến hành thuận lợi ở một số cửa khẩu, chủ yếu là do

A. thuận tiện cho đảm bảo an ninh, quốc phòng. **B.** phần lớn biên giới nước ta nằm ở miền núi.

C. phần lớn biên giới chạy theo các đỉnh núi, hẻm núi.**D.** cửa khẩu là nơi có địa hình thuận lợi cho qua lại.

Câu 24: Nước ta có nền văn hoá phong phú độc đáo là do

A. năm trong khu vực thiên nhiên nhiệt đới ẩm, gió mùa.

B, là nơi giao thoa của các dân tộc trong và ngoài khu vực Đông Nam Á.

C. chịu ảnh hưởng của các nền văn minh cổ đại và văn minh phương Tây.

D. nằm trong khu vực đang diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động trên thế giới.

Câu 25. Sự đa dạng về bản sắc dân tộc của nước ta là do vị trí

A. có sự gặp gỡ nhiều nền văn minh lớn với văn minh bản địa. **B.** diễn ra những hoạt động kinh tế sôi động.
C. nằm trên ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế lớn.**D.** liền kề của hai vành đai sinh khoáng lớn.
Câu 26. Nước ta có thể thuận lợi giao lưu với các nước trên thế giới là do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
A. Ở khu vực giao thoa giữa các nền văn minh lớn. **B.** Nằm hoàn toàn ở bán cầu Bắc và bán cầu Đông.
C. Ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế. **D.** Có nhiều nét tương đồng về lịch sử và văn hóa.
Câu 27. Nước ta nằm ở vị trí trung chuyển của các tuyến đường hàng hải quốc tế nên
A. khí hậu mang tính chất nóng ẩm, mưa nhiều. **B.** tài nguyên thiên nhiên đa dạng và phong phú.
C. tạo điều kiện củng cố giao lưu, hợp tác về văn hóa.**D.** rất thuận lợi trong việc thu hút đầu tư nước ngoài.
Câu 28: Điểm cực Bắc của nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?
A. Bắc Cạn. **B.** Điện Biên. **C.** Hà Giang. **D.** Cà Mau.

DẠNG II: CHỌN ĐÁP ÁN ĐÚNG , SAI

Câu 1. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.
Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, điểm cực Bắc nước ta ở 23° 23'B, cực Nam ở 8° 34'B, cực Tây ở 102° 09'Đ và cực Đông ở 109° 28' Đ. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ 6° 50'B và từ kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ 117° 20' Đ.
a) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.
b) Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
c) Nhờ vị trí địa lí nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.
d) Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.
Câu 2. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.
Nước ta nằm ở phía đông của bán đảo Đông Dương, phần đất liền tiếp giáp với 3 quốc gia. Trên biển, Việt Nam có chung biển Đông với nhiều quốc gia khác. Nước ta nằm ở vị trí trung chuyển của các tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế, cũng như các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á.
a) Ba quốc gia tiếp giáp với nước ta trên đất liền là: Trung Quốc, Thái Lan, Lào.
b) Nước ta là cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia trong khu vực.
c) Vị trí địa lí đã tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng giao lưu, phát triển các ngành kinh tế biển.
d) Vị trí địa lí đã tạo nhiều thuận lợi cho nước ta trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng.
Câu 3. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.
Việt Nam nằm ở phía đông nam của châu Á, trên bán đảo Đông Dương. Phần đất liền nước ta giới hạn từ vĩ độ 8°34′B đến vĩ độ 23°23′B và từ kinh độ 102°09'Đ đến kinh độ 109°28′Đ. Trên Biển Đông, vùng biển nước ta kéo dài từ khoảng vĩ độ 6°50′B và kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ 117°20'Đ.
a) Nước ta nằm hoàn toàn ở nửa cầu Bắc .
b) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài trên 17 vĩ độ .
c) Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho nước ta phát triển tổng hợp kinh tế biển.
d) Vị trí địa lí và hình dáng lãnh thổ đã làm sông ngòi nước ta phần lớn sông nhỏ, nhiều nước, thủy chế theo mùa.
Câu 4. Cho thông tin sau:
Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc, trong khu vực hoạt động của Mậu dịch và gió mùa châu Á, nên thiên nhiên mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. Ngoài ra nước ta còn tiếp giáp vùng biển Đông rộng lớn với lượng nhiệt và ẩm dồi dào. Đặc điểm địa hình cùng với sự di chuyển của các khối khí qua biển vào lãnh thổ nước ta, đã làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.
a) Nước ta có nền nhiệt độ cao, lượng mưa trung bình thấp.
b) Hình thành 2 mùa gió chính là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ.
c. Chế độ nước sông theo mùa, mùa lũ tương ứng với mùa đông.
d) Thiên nhiên phân hóa theo chiều Bắc – Nam do hình thể và gió mùa.
Câu 5. Cho hình ảnh

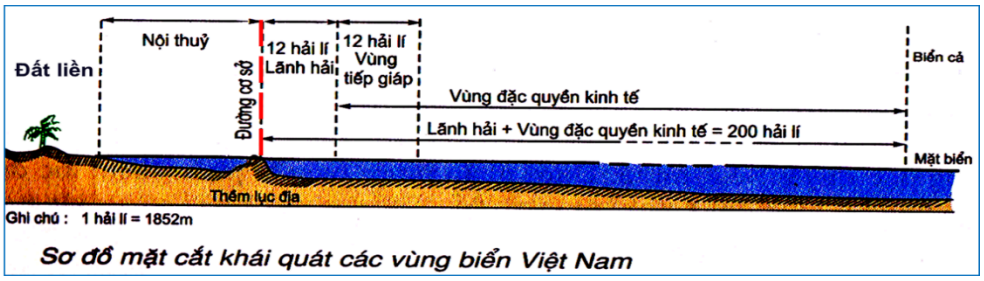

a. Vùng biển nước ta bao gồm: Nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế.
b. Vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía đông là vùng đặc quyền kinh tế.
c. Vai trò chính của đường cơ sở là phân tách vùng nội thủy và vùng lãnh hải.
d. Trong vùng đặc quyền kinh tế nước ta, các quốc gia khác có quyền tự do thăm dò và khai thác tài nguyên.

Câu 1. Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có
A. gió mùa hoạt động. **B.** nhiều sông lớn. **C.** nền nhiệt độ cao. **D.** lượng mưa lớn.
Câu 2. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở
A. độ ẩm lớn, cân bằng ẩm năm luôn luôn dương. **B.** lượng mưa trung bình năm từ 1500 – 2000mm.
C. khí hậu phân hóa rõ thành hai mùa mưa và khô. **D.** bức xạ lớn, cán cân bức xạ dương quanh năm.
Câu 3: Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta thể hiện ở
A. nhiệt độ trung bình năm cao. **B**. mùa đông nhiệt độ hạ thấp.
C. cân bằng bức xạ luôn âm. **D**. tổng số giờ nắng rất thấp.
Câu 4. Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến nên nước ta có
A. lượng mưa lớn. **B**. nền nhiệt độ cao. **C**. khí hậu mát mẻ. **D.** nhiều sông lớn.
Câu 5. Vị trí địa lí của nước ta nằm trong vực hoạt động của gió mùa châu Á nên
A. khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới ẩm **B**. khí hậu nước ta mang tính chất ẩm
C. khí hậu nước ta có sự phân hóa phức tạp **D**. khí hậu nước ta thay đổi theo mùa.
Câu 6: Đất liền nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có
A. số giờ nắng nhiều. **B.** nhiều sông ngòi nhỏ. **C.** nhiều loại thổ nhưỡng. **D.** khoáng sản đa dạng.
Câu 7. Lãnh thổ trải dài trên nhiều vĩ độ đã làm cho khí hậu nước ta
A. có tính nhiệt đới. **B**. có sự phân hóa **C**. có hai mùa rõ rệt. **D.** có tính chất ẩm.
Câu 8: Vị trí nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên có
A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm. **B.** gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao. **D.** một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.
Câu 9. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên có

A. Khí hậu mang tính chất cận xích đạo rõ rệt. **B.** thiên nhiên giàu sức sống, bốn mùa xanh tốt.
C. thiên nhiên nước ta phân hóa rất đa dạng. **D**. nền nhiệt cao, hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

Câu 10: Nước ta giáp biển Đông nên có

A. hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh trong năm. **B.** gió mùa Đông Bắc hoạt động ở mùa đông.
C. tổng lượng mưa lớn, độ ẩm không khí cao. **D.** một mùa có mưa nhiều và một mùa mưa ít.

Câu 11: Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

A. độ ẩm trung bình năm cao. **B**. tổng bức xạ Mặt Trời lớn.
C. giàu có các loại khoáng sản. **D**. khí hậu phân thành hai mùa

Câu 12. Thiên nhiên nước ta mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa và phân hóa đa dạng chủ yếu do tác động kết hợp của

A. vị trí địa lí, hình dáng lãnh thổ, gió, đặc điểm địa hình, Biển Đông.
B. vị trí địa lí, độ cao địa hình, Biển Đông, dải hội tụ nhiệt đới, bão.
C. Biển Đông, bức chắn địa hình, gió mùa hạ, áp thấp nhiệt đới, bão.
D. hướng nghiêng địa hình, vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, Biển Đông.

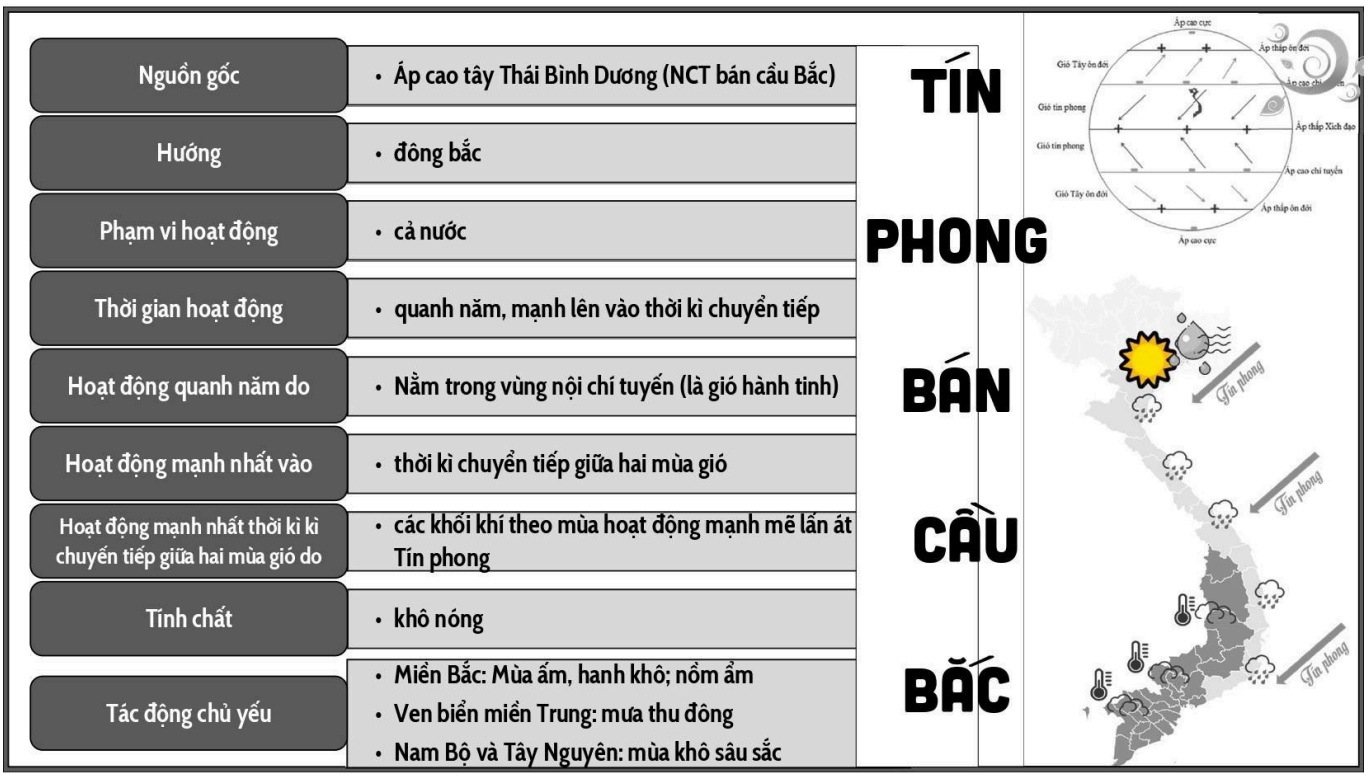

Câu 1: Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

A. tiếp giáp với Thái Bình Dương. **B.** góc nhập xạ trong năm không đổ
C. lượng mưa cao đều quanh năm. **D.** Tín phong hoạt động thường xuyên

Câu 2. Loại gió có cơ chế hoạt động quanh năm ở nước ta là

A. gió mùa Đông Bắc. **B.** Tín phong bán cầu Bắc.
C. gió mùa Tây Nam. **D.** gió mùa Đông Nam.

GIÓ MÙA MÙA ĐÔNG (GIÓ MÙA ĐÔNG BẮC)

Nguồn gốc	• áp cao Xibia (Liên Bang Nga)
Hướng	• đông bắc
Phạm vi hoạt động	• miền Bắc (Bạch Mã trở ra)
Miền Nam hầu như không bị ảnh hưởng do	• gió mùa Đông Bắc suy yếu, bức chắn địa hình hướng tây - đông (Bạch Mã)
Mạnh nhất ở	• khu vực Đông Bắc (sớm nhất, lâu nhất)
Khu vực Đông Bắc ảnh hưởng mạnh nhất do	• vị trí đón gió, đặc điểm địa hình hướng vòng cung
Thời gian hoạt động	• tháng XI-IV năm sau
Đầu mùa lạnh khô do	• ảnh hưởng của khối khí lục địa, đi qua lục địa
Cuối mùa lạnh ẩm, có mưa phùn do	• Áp thấp A-lê-út hút gió đi qua biển, mang theo hơi ẩm

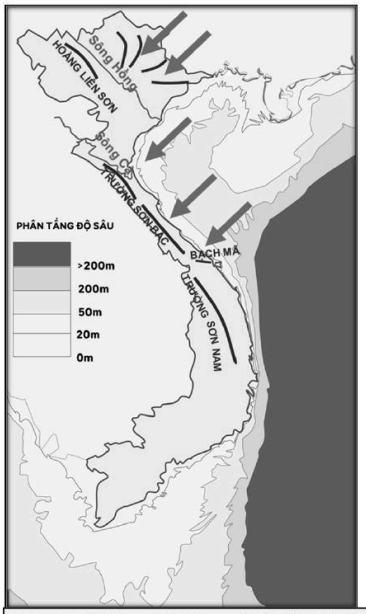

GV: Lý Thị Lan Hương - 0969803394

Câu 1. Ở nước ta, gió mùa Đông Bắc xuất phát từ
A. vùng núi cao. **B.** Ấn Độ Dương. **C.** áp cao Xibia. **D.** biển Đông.

Câu 2 . Gió mùa đông bắc thổi vào nước ta theo hướng
A. tây bắc. **B.**đông bắc. **C.** đông nam. **D.** tây nam.

Câu 3. Do tác động của gió mùa Đông Bắc nên nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết
A. lạnh, ẩm. **B.** nóng, ẩm. **C.** lạnh, khô. **D.** mát mẻ, mưa nhiều.

Câu 4. Loại gió gây mưa phùn ở đồng bằng Bắc Bộ và ven biển Bắc Trung Bộ nước ta là
A. gió mùa Đông Bắc. **B.** Tín phong bán cầu Bắc. **C.** gió phơn Tây Nam. **D.** gió mùa Tây Nam

Câu 5: Càng vào phía Nam gió mùa Đông Bắc càng
A. suy yếu. **B.** mạnh. **C.** khô nóng. **D.** gây mưa nhiều.

Câu 6: Mưa phùn vùng ven biển và các đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ thường diễn ra vào
A. nửa đầu mùa đông. **B.** nửa sau mùa đông. **C.** nửa sau mùa xuân. **D.** nửa đầu mùa hạ.

GIÓ MÙA MÙA HẠ (GIÓ MÙA TÂY NAM)

Nguồn gốc	• Đầu mùa: áp cao Bắc Ấn Độ Dương • Cuối mùa: áp cao cận chí tuyến Nam BC (Tín phong NBC)
Hướng	• tây nam • miền Bắc: đông nam do áp thấp Bắc Bộ
Phạm vi hoạt động	• cả nước
Tính chất	• nóng ẩm
Đầu mùa	• gây mưa: Nam Bộ, Tây Nguyên • khô nóng: Đồng bằng ven biển Trung Bộ, phần nam Tây Bắc (gió Lào, gió phơn)
Giữa và cuối mùa	• gây mưa cả nước
Khu vực đối lập mùa mưa - khô	• Trường Sơn Đông (đồng bằng ven biển miền Trung) >< Trường Sơn Tây (Tây Nguyên, Nam Bộ)
Nguyên nhân đối lập mùa mưa – khô	• gió mùa và dãy Trường Sơn

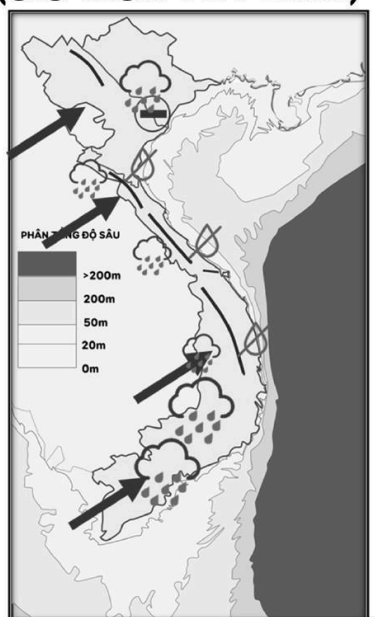

GV: Lý Thị Lan Hương - 0969803394

Câu 7 . Vào đầu mùa hạ, gió mùa mùa hạ đến nước ta xuất phát từ đâu?
A.Áp cao bắc Ấn Độ Dương. **B.** Biển Đông.
C. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam. **D.** Cao áp Xi bia.
Câu 8 . Vào nữa cuối mùa hạ, gió mùa mùa hạ đến nước ta xuất phát từ đâu?
A.Áp cao bắc Ấn Độ Dương. **B.** Biển Đông.
C. Áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam. **D.** Cao áp Xi bia.
Câu 9. Tính chất của gió mùa mùa hạ ở nước ta là
A. lạnh, khô. **B.** nóng, ẩm. **C.** lạnh, ẩm. **D.** nóng, khô.
Câu 10. Sự hình thành gió phơn Tây Nam ở ven biển miền Trung nước ta do tác động kết hợp của
A. lãnh thổ hẹp ngang và hoạt động của các loại gió mùa hạ.
B. gió mùa Tây Nam từ Nam bán cầu và dãy núi Trường Sơn.
C. áp cao từ Bắc Ấn Độ Dương đến và dãy núi Trường Sơn.
D. địa hình núi kéo dài ở phía tây và Tín phong bán cầu Bắc.
Câu 11. Sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa Tây Nguyên và sườn Đông Trường Sơn chủ yếu do tác động kết hợp của
A. các gió hướng tây nam nóng ẩm và địa hình núi, cao nguyên, đồng bằng.
B. dãy núi Trường Sơn và các loại gió hướng tây nam, gió hướng đông bắc.
C. địa hình núi đồi, cao nguyên và các hướng gió thổi qua biển trong năm
D. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc và hai sườn dãy núi Trường Sơn.
Câu 12. Khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương làm cho khí hậu vùng đồng bằng Nam Bộ nước ta có
A. mưa lớn vào đầu mùa hạ. **B.** lượng bức xạ Mặt Trời lớn.
C. hai mùa khác nhau rõ rệt. **D.** mưa nhiều về thu đông.
Câu 13. Đầu mùa hạ, gió tây nam thường gây mưa lớn cho vùng
A. Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ. **B.** Nam Bộ và Bắc Trung Bộ.
C. Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. **D.** Nam Bộ và Tây Nguyên.
Câu 14: Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta biểu hiện qua
A. Có hoạt động của gió mùa hạ. B. Biên độ nhiệt trung bình năm cao.
C. Số giờ nắng trong năm phổ biến từ 1400 đến 3000 giờ. D. Nhiệt độ trung bình năm trên 25^0C.
Câu 15 . Nhiệt độ trung bình năm của nước ta thay đổi như thế nào từ Bắc vào Nam?
A.Nhiệt độ trung bình tăng dần. **B.** Nhiệt độ trung bình giảm dần.
C. Nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm. **D.** Nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm.
Câu 16 . Gió mùa Đông Bắc làm cho thời tiết của miền Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?
A. Nửa đầu mùa đông mát mẻ, nửa sau mùa đông lạnh.
B. Mùa đông lạnh mưa nhiều, mùa hạ nóng và ít mưa.
C.Nửa đầu mùa đông lạnh khô, nửa sau mùa đông lạnh ẩm.
D. Nửa đầu mùa đông nóng khô, nửa sau mùa đông lạnh ẩm.

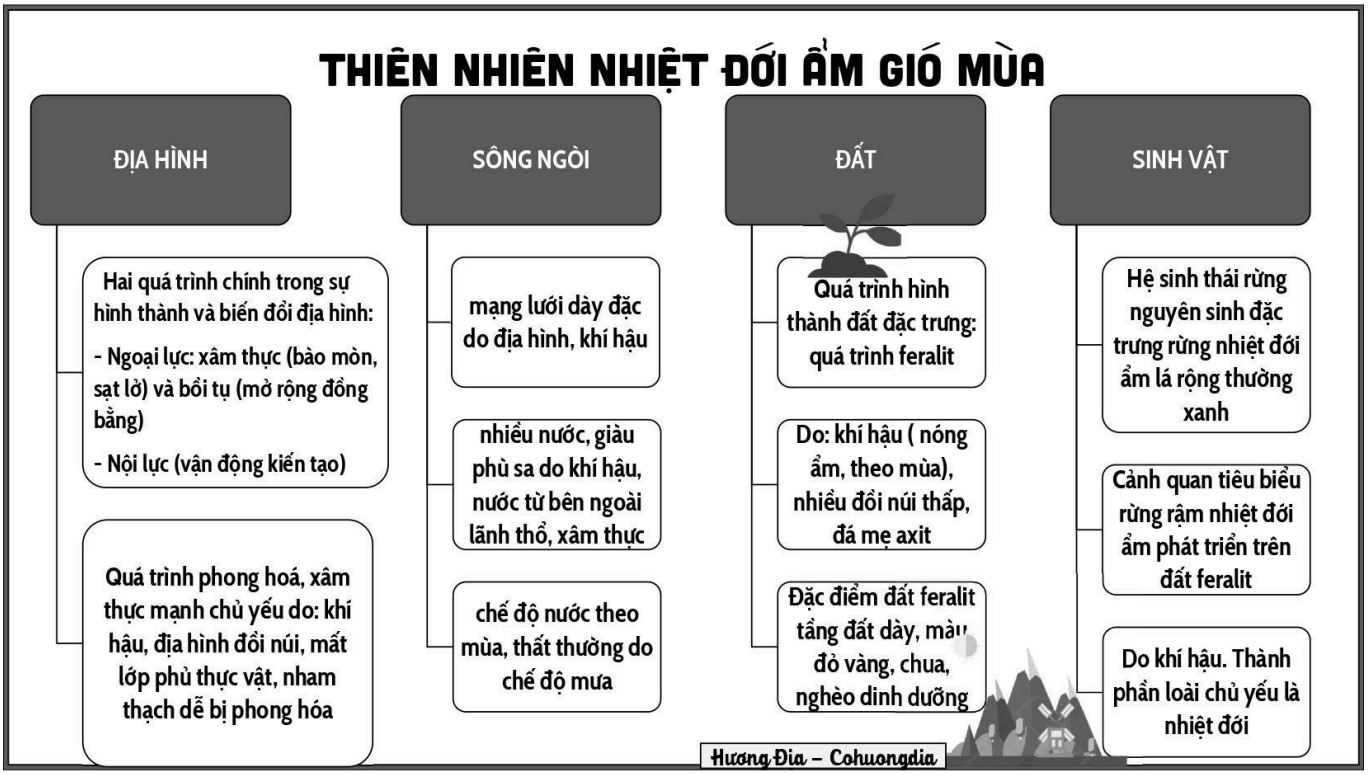

Câu 1. Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại là
A. phong hóa - vận chuyển. **B.** xâm thực - bồi tụ.
C. Vận chuyển - bồi tụ. **D.** bóc mòn - vận chuyển.

Câu 2. Biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là
A. cán cân bức xạ quanh năm âm. **B.** sinh vật cận nhiệt đới chiếm ưu thế.
C. xâm thực mạnh ở miền đồi núi. **D.** chế độ nước sông không phân mùa.

Câu 3. Quá trình xâm thực ở miền núi diễn ra mạnh chủ yếu do những nhân tố nào sau đây?
A. Nhiệt độ và độ ẩm cao . **B**. Lớp phủ thực vật bị phá hủy.
C. Thảm thực vật dày. **D**. Mưa và dòng chảy.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi nước ta?
A. Mạng lưới dày đặc. **B.** Nhiều nước quanh năm.
C. Thủy chế theo mùa. **D.** Có hàm lượng phù sa lớn.

Câu 5. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với sông ngòi nước ta?
A. Mạng lưới dày đặc. **B.** Chế độ dòng chảy ổn định.
D. Thủy chế theo mùa. **C.** Có hàm lượng phù sa lớn.

Câu 6 . Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm sông ngòi nước ta?
A. Dày đặc. **B.**Ít nước. **C.** Giàu phù sa. **D.** Thủy chế theo mùa.

Câu 7. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc chủ yếu do
A. địa hình có độ dốc cao và mưa lớn theo mùa. **B.** mưa nhiều và địa hình đồi núi bị cắt xẻ mạnh.
C. lượng mưa lớn, địa hình chủ yếu đồi núi thấp. **D.** khí hậu cận nhiệt gió mùa, mất lớp phủ thực vật.

Câu 8. Loại đất đặc trưng cho vùng nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là
A. Đất fe-ra-lit. **B**. Đất phù sa ngọt. **C**. Đất phèn. **D**. Đất mặn.

Câu 9. Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở vùng đồi núi nước ta là
A. đất phù sa. **B.** đất xám bạc màu. **C.** đất feralit. **D.** đất mùn thô.

Câu 10. Quá trình feralit là quá trình hình thành đất đặc trưng ở nước ta chủ yếu do
A. tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm. **B.** địa hình phân bậc rõ rệt theo độ cao.
C. chịu tác động mạnh của con người. **D.** địa hình có cấu trúc cổ được trở lại.

Câu 11: Thành phần loài nào sau đây **không** thuộc cây nhiệt đới?
A. Dầu. **B.** Đỗ Quyên. **C.** Dâu tằm. **D.** Đậu.

Câu 12: Nguyên nhân nào làm cho sông ngòi nước ta nhiều nước, giàu phù sa?
A. Nước ta có mùa mưa kéo dài, mưa lớn. **B.** Mưa nhiều trên triền núi có độ dốc lớn.
C. Miền núi cao có nhiều cát, đất vụn bở. **D.** Mưa nhiều và đất đai vụn bở dễ bị cuốn trôi

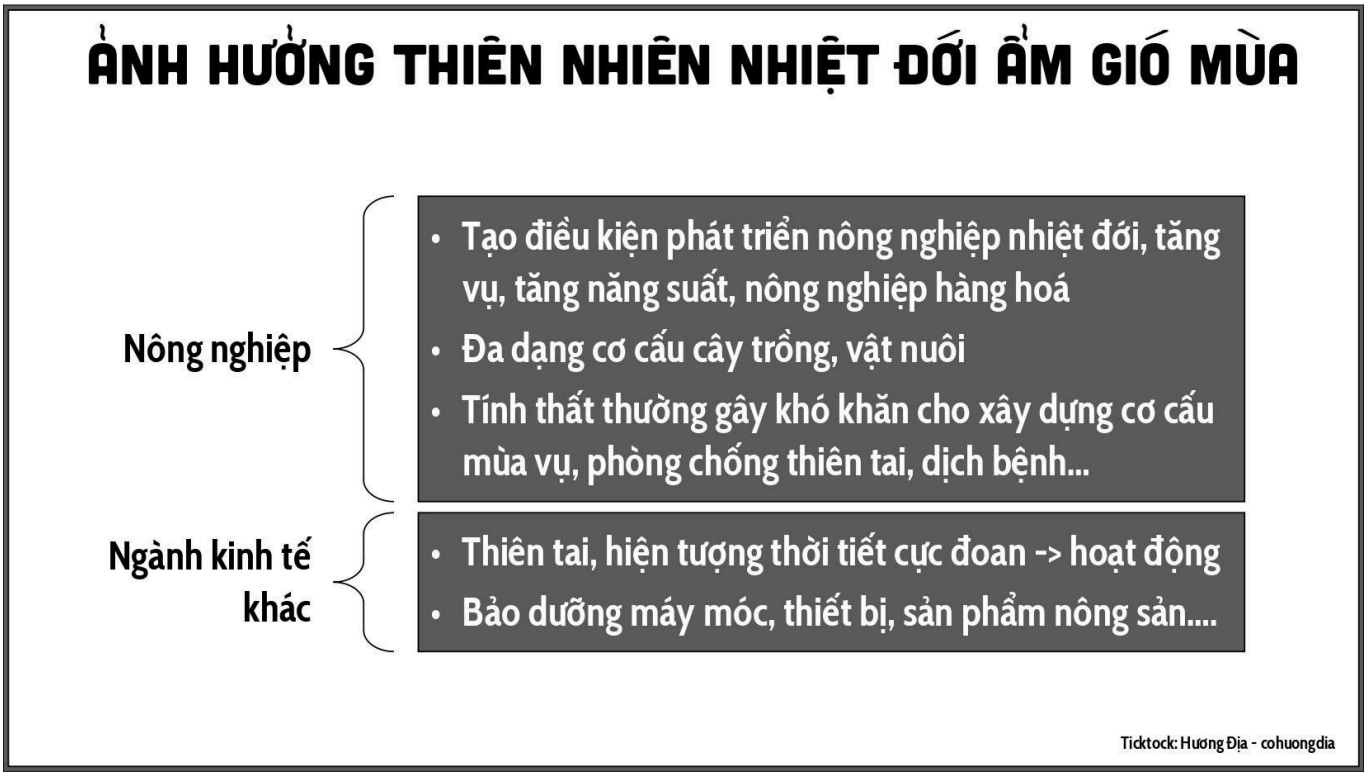

Câu 1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa đa dạng đã tạo điều kiện cho nước ta

A. hình thành các vùng kinh tế trọng điểm trên phạm vi cả nước.

B. phát triển mạnh nền nông nghiệp cận nhiệt, ôn đới quanh năm.

C. đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp.

D. đa dạng hóa cơ cấu mùa vụ và cơ cấu sản phẩm nông nghiệp,

Câu 2. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đã tạo thuận lợi cho nước ta

A. phát triển nông nghiệp cận nhiệt đới. **B.** hình thành vùng kinh tế trọng điểm.

C. đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính. **D.** đa dạng cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Câu 3. Nhân tố chủ yếu tạo nên sự đa dạng trong cơ cấu cây trồng ở nước ta hiện nay là

A. địa hình, sông ngòi. **B.** sông ngòi, khí hậu. **C.** khí hậu, đất trồng. **D.** địa hình, đất trồng

Câu 4. Cho thông tin sau:

Khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, tính nhiệt đới được thể hiện là lượng bức xạ mặt trời lớn, số giờ nắng nhiều và nhiệt độ trung bình năm cao.

a) Lượng nhiệt ẩm, ánh sáng, nguồn nước dồi dào tạo điều kiện để nước ta tăng vụ, tăng năng suất trong phát triển sản xuất nông nghiệp.

b) Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên khắp mọi nơi trên lãnh thổ đều có nhiệt độ trung bình năm trên 20^0C.

c) Biểu hiện tính nhiệt đới của khí hậu nước ta là nhiệt độ trung bình năm cao.

d) Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí nước ta nằm trong khu vực gió mùa, tiếp giáp Biển Đông.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Lai Châu (^{0}C).

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lai Châu	13,2	16,6	19,1	22,9	24,6	24,3	24,3	23,4	23,6	21,6	18,5	16,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính biên độ nhiệt độ năm tại Lai Châu năm 2023 (*làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của ^{0}C).*

Câu 6. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG NĂM 2023 TẠI CÀ MAU VÀ HÀ NỘI

(Đơn vị: ^{0}C)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**

Cà Mau	26,5	27	26,9	29,6	29,4	28,7	28,0	29,0	27,5	28,0	27,9	28,0
Hà Nội	16,9	20,4	22,3	25,5	29,5	30,4	31,5	29,8	29,1	27,8	24,4	19,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính chênh lệch nhiệt độ trung bình năm trong năm giữa Cà Mau và Hà Nội *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).*

Câu 7. Cho bảng số liệu sau

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA CẦN THƠ

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Lượng mưa *(mm)*	11,8	5,0	20,4	42,3	176,6	207,2	241,2	231,0	250,6	272,3	140,7	48,1

(Nguồn: Viện khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết lượng mưa các tháng mùa mưa ở Cần Thơ (mùa mưa gồm các tháng liên tục từ 3 tháng trở lên có lượng mưa lớn hơn hoặc bằng 100mm) gấp bao nhiêu lần lượng mưa các tháng mùa khô? *(làm tròn đến một chữ số thập phân)*

Câu 8. Cho bảng số liệu:**Lượng mưa các tháng năm 2022 tại Vinh**

(Đơn vị: mm)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Lượng mưa	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2022 NXB Thống kê Việt Nam, 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy tính tổng lượng mưa tại Vinh năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 9. Cho bảng số liệu:

Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội, **năm 2023**

(Đơn vị: m^3/s)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Lưu lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3507	2240	1517

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê Việt Nam, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết lưu lượng nước trung bình các tháng của sông Hồng tại trạm Hà Nội năm 2023 là bao nhiêu m^3/s? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 10. Thành phố Hồ Chí Minh có tổng lượng mưa trong năm là 1931 mm và lượng bốc hơi 1688 mm. Cho biết cân bằng ẩm trong năm của Thành phố Hồ Chí Minh là bao nhiêu mm?

Câu 11: Cho bảng số liệu: Lưu lượng nước trung bình tháng của sông Hồng

Tại trạm Hà Nội (Đơn vị: m^3/s)

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Lưu lượng	1455	1343	1215	1522	2403	4214	7300	7266	5181	3570	2240	1517

Dựa vào bảng số liệu trên em hãy tính lưu lượng nước trung bình của sông Hông tại trạm Hà Nội (làm tròn kết quả thành số nguyên)

Câu 12: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm tại Hà Nội năm 2021*(Đơn vị: ^0C)*

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Nhiệt độ	16,9	20,9	22,5	25,6	29,7	31,6	30,8	30,5	28,7	24,6	22,5	19,4

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm tại Hà Nội năm 2021 *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị ^0C)*

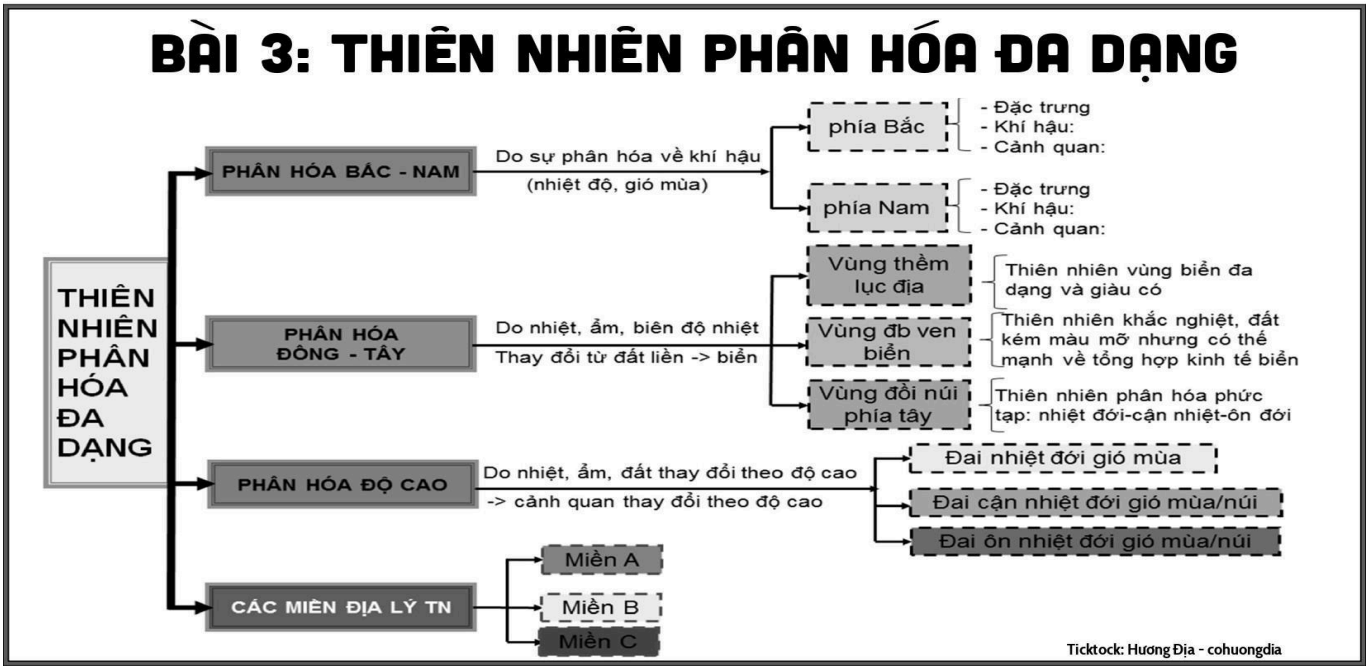

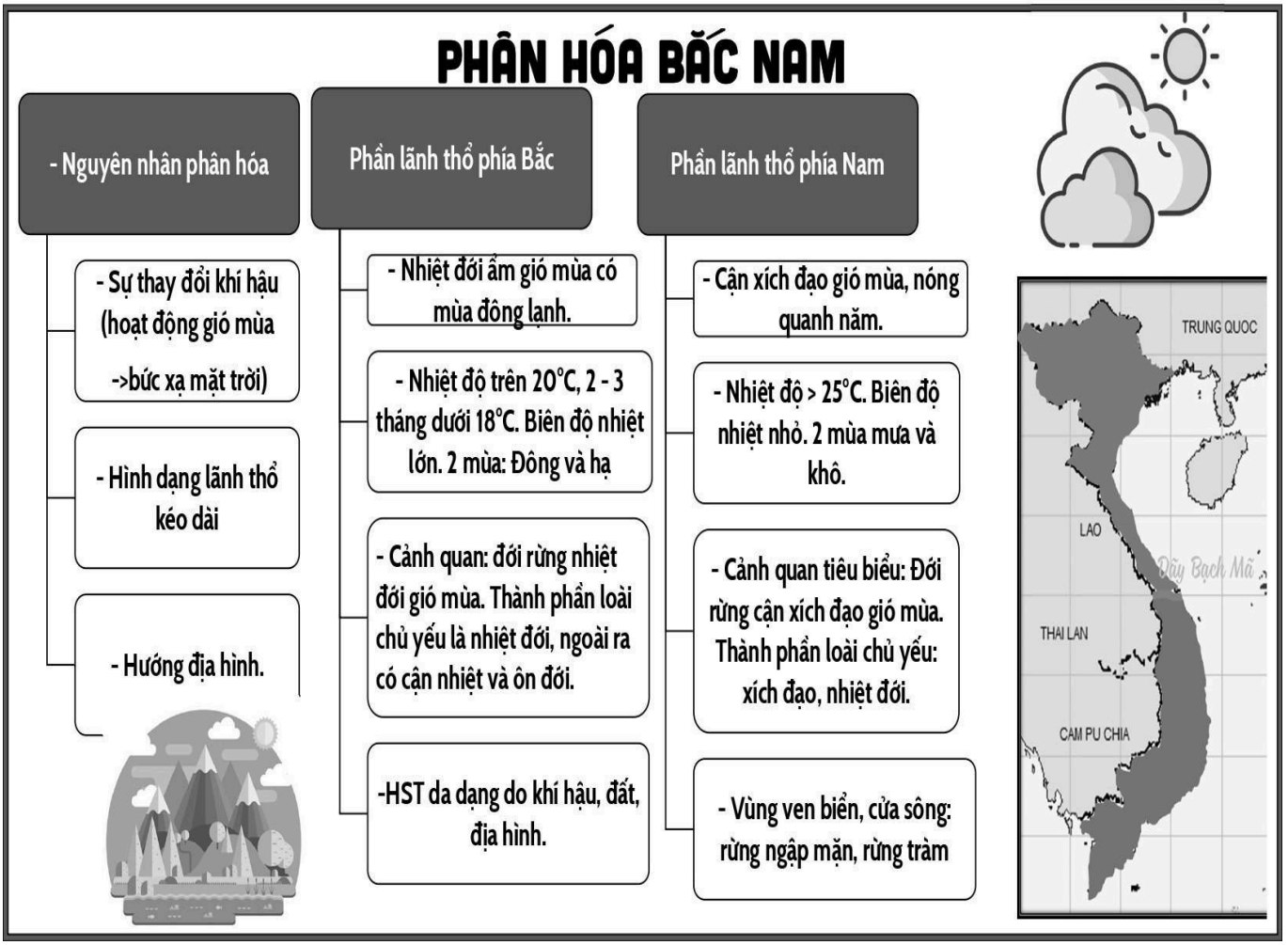

Câu 1. Dãy núi nào là ranh giới tự nhiên phân chia phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam nước ta?

A. Hoàng Liên Sơn. **B.** Bạch Mã. **C.** Hoành Sơn. **D.** Trường Sơn.

Câu 2: Đây là đặc điểm tự nhiên vùng lãnh thổ phía Bắc.

A. Khí hậu cận xích đạo gió mùa. **B.** Nhiệt độ TN năm cao trên 25^0C.

C. Có 2 mùa: mùa khô – mùa mưa. **D.** Có 2 mùa: mùa đông – mùa hạ.

Câu 3: Khí hậu vùng lãnh thổ phía Bắc có

A. biên độ nhiệt năm nhỏ, dưới 10^0C. **B.** biên độ nhiệt năm lớn.

C. nhiệt độ trung bình năm trên 20^0C. **D.** tổng số giờ nắng dưới 2.000 giờ.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu làm cho biên độ nhiệt trung bình năm ở miền Bắc lớn?

A. Vị trí địa lý và độ cao địa hình. **B**. Địa hình và hoạt động gió mùa.

C. Vị trí địa lý và hoạt động gió mùa. **D**. Hình dáng lãnh thổ và dải hội nhiệt đới.

Câu 5. Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc nước ta mang sắc thái của vùng khí hậu

A. ôn đới gió mùa. **B.** cận nhiệt đới gió mùa. **C.**cận xích đạo gió mùa. **D.** nhiệt đới gió mùa.

Câu 6. Cảnh quan đặc trưng của phần lãnh thổ phía Bắc là

A. Đới rừng cận nhiệt đới gió mùa. **B**. Đới rừng nhiệt đới gió mùa.

C. Đới rừng cận xích đạo gió mùa. **C**. Đới rừng xích đạo gió mùa.

Câu 7: Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

A. cây lá kim và thú có lông dày. **B.** cây chịu hạn, rụng lá theo mùa.

C. động thực vật cận nhiệt đới. **D.** động thực vật nhiệt đới.

Câu 8: Ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta, thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là

A. xích đạo. **B.** nhiệt đới. **C.** cận nhiệt. **D.** ôn đới.

Câu 9 . Thiên nhiên phần lãnh thổ phía Nam nước ta mang sắc thái của vùng khí hậu

A. ôn đới gió mùa. **B.** cận nhiệt đới gió mùa. **C.**cận xích đạo gió mùa. **D.** nhiệt đới gió mùa.

Câu 10: Khí hậu vùng lãnh thổ phía Nam có

A. biên độ nhiệt năm nhỏ, dưới 10^0C. **B.** biên độ nhiệt năm lớn, trên 20^0C.

C. nhiệt độ trung bình năm trên 20^0C. **D.** tổng số giờ nắng dưới 2.000 giờ.

Câu 11. Cảnh quan thiên nhiên đặc trưng cho phần lãnh thổ phía Nam nước ta là đới rừng

A. cận xích đạo gió mùa. **B.** nhiệt đới ẩm gió mùa.

C. cận nhiệt đới gió mùa. **D.** ôn đới gió mùa.

Câu 12. Hình dạng lãnh thổ hẹp ngang và kéo dài đã tạo nên

A. sự thống nhất và toàn vẹn của tự nhiên. **B**. thiên nhiên phân hóa theo Bắc – Nam.

C. thiên nhiên phân hóa theo Đông – Tây. **D**. thiên nhiên phân hóa theo độ cao.

Câu 13. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho khí hậu nước ta phân hóa theo chiều Bắc – Nam?

A. Sự thay đổi của góc nhập xạ và hoạt động của gió mùa.

B. Hoạt động của gió mùa và số giờ chiếu sáng trong năm.

C. Dải hội tụ nội chí tuyến và sự thay đổi của góc nhập xạ.

D. Số giờ chiếu sáng trong năm và dải hội tụ nội chí tuyến.

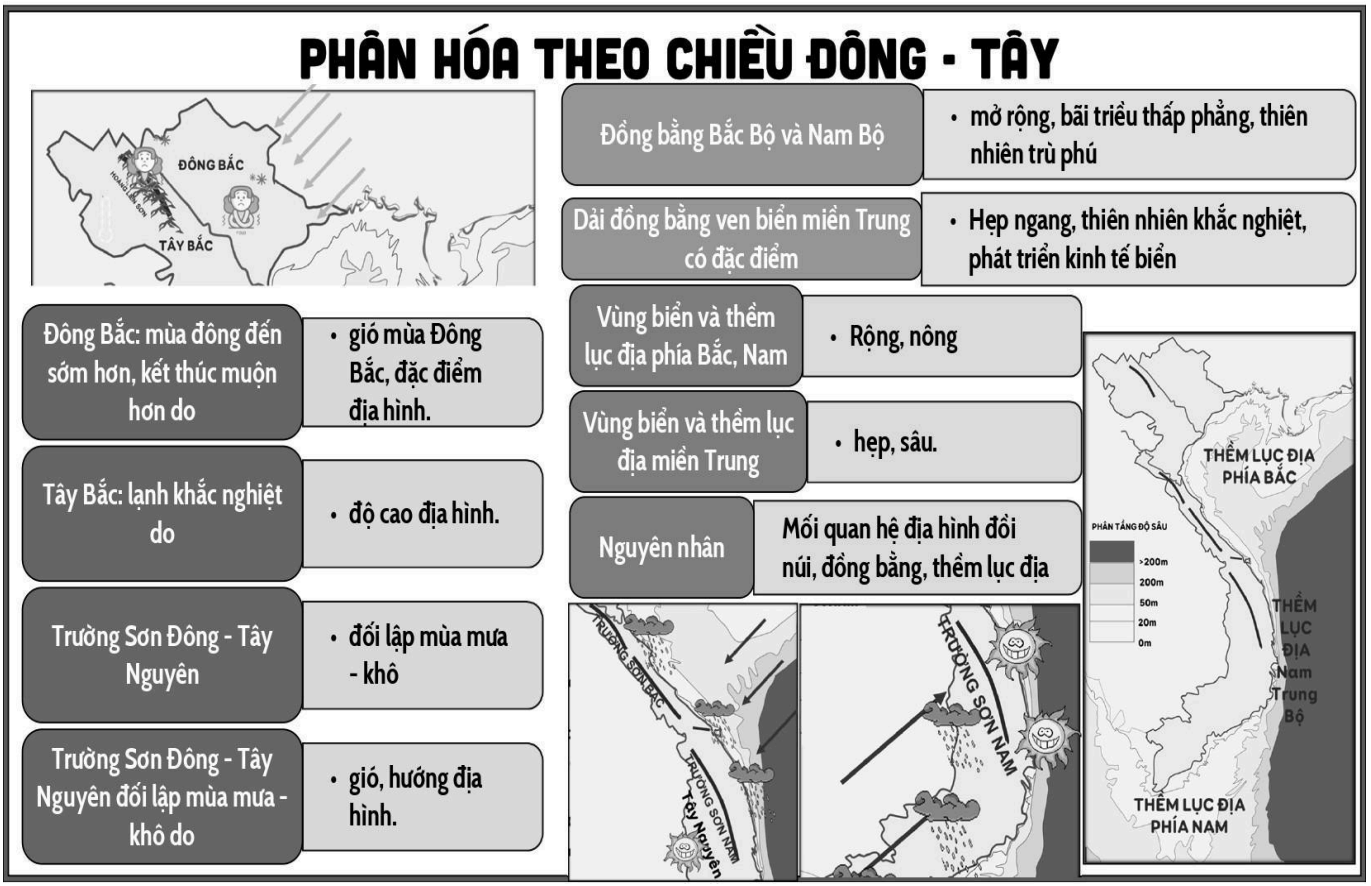

Câu 1. Từ tây sang đông, thiên nhiên nước ta phân hóa thành 3 vùng rõ rệt, lần lượt là

A. vùng biển, đảo và thềm lục địa – vùng đồng bằng ven biển – vùng đồi núi.
B. vùng đồi núi – vùng đồng bằng ven biển – vùng biển, đảo và thềm lục địa.
C. vùng đồng bằng ven biển – vùng biển, đảo và thềm lục địa – vùng đồi núi.
D. vùng đồi núi – vùng biển, đảo và thêm lục địa – vùng đồng bằng.

Câu 2 . Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?
A. Cảnh quan cận xích đạo gió mùa. **B.** Cảnh quan nhiệt đới nóng quanh năm.
C.Mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa. **D.** Cảnh quan giống như vùng ôn đới núi cao.

Câu 3: Dải đồng bằng ven biển Trung Bộ nước ta có đặc điểm
A. thềm lục địa rộng, nông. **B.** hẹp ngang, bị chia cắt.
C. đất đai rất màu mỡ. **D.** được mở rộng rất nhanh.

Câu 4: Sự phân hóa thiên nhiên giữa hai khu vực Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do
A. tác động của gió mùa và hướng của các dãy núi. B. độ cao địa hình và ảnh hưởng của biển.
C. Ảnh hưởng của biển và lớp phủ thực vật. D. độ cao địa hình và hướng các dãy núi.

Câu 5 . Sườn phía Đông Trường Sơn có mưa vào thời gian nào?
A.Đông xuân. **B.**Thu đông. **C.**Xuân hạ. **D.**Hè thu.

Câu 6: Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?
A. Cảnh quan cận xích đạo gió mùa. **B.** Cảnh quan nhiệt đới nóng quanh năm.
C. Mang sắc thái cận nhiệt đới gió mùa. **D.** Cảnh quan giống như vùng ôn đới núi cao.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây ***không*** đúng với vùng biển và thềm lục địa nước ta?
A. Là vùng biển nhiệt đới ẩm gió mùa. **B.** Vùng biển có nhiều bão trên thế giới.
C. Có sự giống nhau về độ nông - sâu của thềm lục địa. **D.** Có quan hệ chặt chẽ với vùng đất liền kề bên

Đai ôn đới gió mùa
- Trên 2600m (chỉ có ở dãy Hoàng Liên Sơn (miềnTây Bắc và Bắc TB))
- Khí hâu: ôn đới (lạnh), quanh năm dưới 15°C, mùa đông dưới 5°C
- Đất: đất mùn thô.
- Thực vật ôn đới: đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam, rừng trúc lùn, rừng rêu.

Đai cận nhiệt đới gió mùa
- Miền bắc: 600 - 700 đến 2600m. Miền nam: 900 - 1000m đến 2600m
- Khí hậu: mát mẻ (dưới 25°C), mưa nhiều, độ ẩm cao.
- Đất: feralit có mùn (< 1600 – 1700m), đất mùn (>1600 – 1700m)
- Dưới 1600 - 1700m: hệ sinh thái cận nhiệt đới xen kẽ nhiệt đới.
- Trên 1600 - 1700m: rừng phát triển kém, loài đơn giản, cây ôn đới.

Đai nhiệt đới gió mùa
- Miền bắc: dưới 600 - 700m, miền nam: dưới 900 - 1000m
- Khí hậu: nhiệt đới, mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi tùy nơi: khô đến ẩm ướt.
- Đất: ferality (chủ yếu là đất F đỏ vàng, nâu đỏ), phù sa.
- Rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường (mưa nhiều, ẩm), rừng nhiệt đới gió mùa, rừng khác (trên thổ nhưỡng đặc biệt)

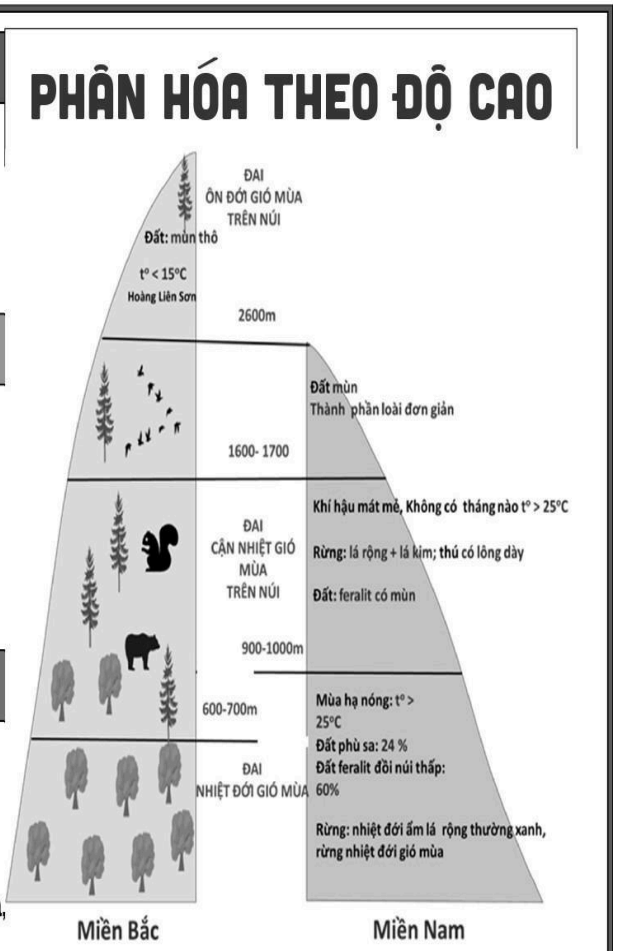

Câu 1. Phạm vi của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc là
A. từ 900 – 1000m đến 2600m. **B**. từ 600 – 700m đến 1600 – 1700m.
C. từ 600 – 700m đến 2600m. **D**. từ 900 – 1000m đến 2600m.

Câu 2: Kiểu thảm thực vật chủ yếu của đai nhiệt đới ẩm gió mùa là
A. rừng ôn đới. **B.** rừng xích đạo. **C.** rừng cận nhiệt đới. **D.** rừng nhiệt đới ẩm.

Câu 3 . Nhóm đất có diện tích lớn nhất trong đai nhiệt đới gió mùa là
A. đất phù sa. **B.** đất feralit có mùn. **C.**đất feralit. **D.** đất xám phù sa cổ.

Câu 4. Đất phù sa ở nước ta chủ yếu có ở đai cao nào?
A. Đai nhiệt đới gió mùa chân núi. **B.** Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.
C. Đai cận xích đạo gió mùa chân núi. **D.** Đai ôn đới núi cao.
Câu 5: Đai ôn đới gió mùa trên núi nước ta có đặc điểm
A. độ cao từ 2600m trở lên. **B.** có đất phù sa và Feralit.
C. có hệ sinh thái rừng nhiệt đới . **D.** nhiệt độ luôn dưới 5^0C

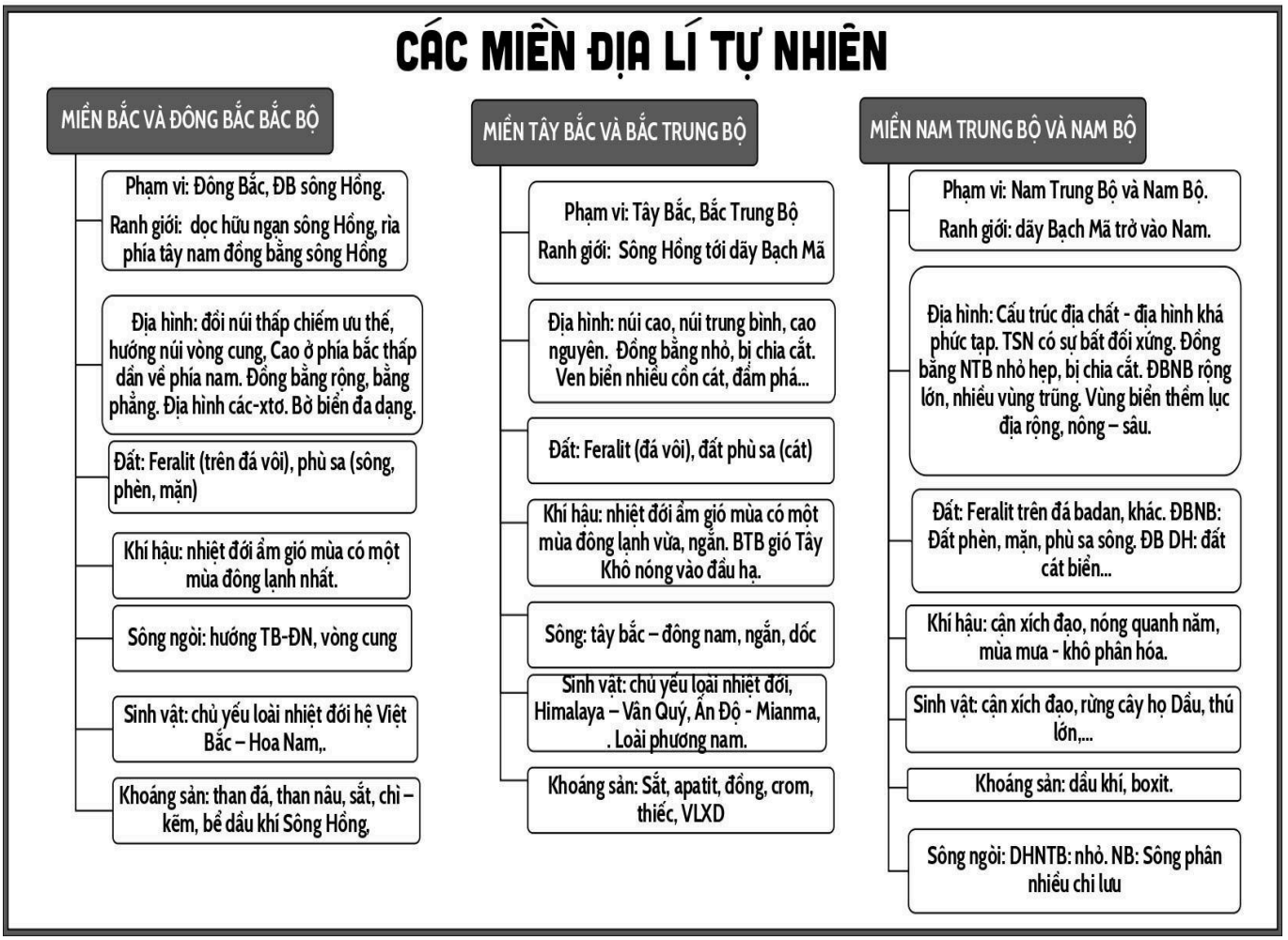

Câu 1: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm khí hậu nào sau đây?
A. Biên độ nhiệt cao, có 2 mùa khô và mưa. **B.** Mùa đông lạnh nhất và kéo dài nhất cả nước.
C. Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm. **D.** Khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa.
Câu 2: Đây là đặc điểm địa hình Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ.
A. Cao nhất cả nước, địa hình lòng chảo. **B.** Địa hình lòng chảo, chủ yếu núi thấp.
C. Chủ yếu núi thấp, hướng tây bắc – đông nam. **D.** Chủ yếu núi thấp, hướng vòng cung.
Câu 3. Đặc điểm nào sau đây đúng với địa hình của miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?
A. Gồm các dãy núi cao, cao nguyên đá vôi, thung lũng rộng và đồng bằng.
B. Địa hình đa dạng nhưng chủ yếu là đồi núi thấp và đồng bằng ven biển.
C. Gồm các khối núi cổ, cao nguyên badan, sơn nguyên bóc mòn và đồng bằng châu thổ.
D. Chủ yếu là đồi núi thấp, đồng bằng châu thổ rộng lớn.
Câu 4: Điểm khác nhau cơ bản nhất giữa miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là
A. chế độ khí hậu. **B.** cấu trúc địa hình. **C.** đặc điểm chế độ mưa. **D.** mạng lưới sông ngòi.
Câu 5: Khí hậu miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có đặc điểm nào sau đây?
A. Nóng, ẩm quanh năm. **B.** Tính chất cận xích đạo.
C. Tính chất ôn hòa. **D.** Khô hạn quanh năm.
Câu 6: Đặc trưng của khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là
A. mùa mưa lùi dần về mùa thu - đông. **B.** gió phơn Tây Nam hoạt động mạnh.
C. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc. **D.** phân chia hai mùa mưa, khô sâu sắc.

Câu 7: So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ, khí hậu miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có

A. mùa đông dài và lạnh hơn.
B. mùa hạ đến muộn hơn.
C. tính chất nhiệt đới tăng dần.
D. tính chất nhiệt đới giảm dần.

Câu 8. Thiên nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do

A. gió tây nam và gió mùa Đông Bắc, nằm xa xích đạo, ngoại lực.
B. vị trí xa xích đạo, gió, hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh, nội lực.
C. vị trí gần chí tuyến, gió đông bắc, địa hình vùng núi, áp thấp.
D. gió mùa, nằm trong vùng nội chí tuyến, ngoại lực, địa hình núi.

ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ PHÂN HOÁ ĐA DẠNG THIÊN NHIÊN ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Thiên nhiên phân hoá đa dạng và phức tạp ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội

Phân hoá Bắc - Nam	Quy hoạch, hướng chuyên môn hoá sản xuất.	• Phía Bắc: trồng cây công nghiệp và cây ăn quả cận nhiệt đới (chè, hồi, quế, đào, lê) • Phía Nam: trồng cây công nghiệp nhiệt đới (cà phê, cao su, hồ tiêu...
Phân hoá theo Đông Tây	Hướng phát triển kinh tế - xã hội	• Ven biển và thềm lục địa: phát triển tổng hợp kinh tế biển. (thuỷ sản, giao thông vận tải, du lịch, khoáng sản) • Đồng bằng: trồng cây lương thực, chăn nuôi lợn, gia cầm, sản xuất, cư trú. • Đồi núi: Khai thác khoáng sản, lâm nghiệp, phát triển nông lâm kết hợp, trồng cây công nghiệp, gia súc lớn, thuỷ điện, du lịch..
Phân hoá theo Độ cao	Tạo nên nét độc đáo trong sản xuất và sinh hoạt.	• Các đai cao tạo nên thế mạnh phát triển kinh tế khác nhau và phân bố dân cư khác nhau.

Câu 1. Càng lên cao, nhiệt độ và độ ẩm không khí càng thay đổi. Sự thay đổi của khí hậu kéo theo sự biến đổi của các thành phần tự nhiên khác, đặc biệt là sinh vật và thổ nhưỡng.

a. Đây là sự thay đổi về khí hậu theo Bắc – Nam.
b. Độ cao của đai nhiệt đới gió mùa ở phần lãnh thổ phía Bắc thấp hơn ở phần lãnh thổ phía Nam.
c. Hoàng Liên Sơn xuất hiện thành phần loài ôn đới.
d. Đất feralit chỉ có ở đai nhiệt đới gió mùa chân núi.

Câu 2. Tại độ cao 500 m trên cùng dãy núi có nhiệt độ là 35°C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2500 m là bao nhiêu °C? (*làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của °C).*

Câu 3: Nếu trên đỉnh núi Phanxipăng (3143m) có nhiệt độ là $2,0^0$c thì theo quy luật đai cao, nhiệt độ ở chân núi này sẽ là bao nhiêu ^{0}C

Câu 4. Vào thời kỳ hoạt động của gió Phơn (gió Lào), tại độ cao 1700m trên dãy Trường Sơn có nhiệt độ là 20^0C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở chân núi (0m so với mực nước biển) là bao nhiêu ^{0}C? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của ^{0}C).

Câu 5. Biết rằng nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất của Hà Nội là $16,4^0$C, biên độ nhiệt độ trung bình năm là $12,5^0$C. Hỏi nhiệt độ trung bình tháng cao nhất của Hà Nội là bao nhiêu ^{0}C? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của ^{0}C).

BÀI 5: SỬ DỤNG HỢP LÍ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

SỰ SUY GIẢM TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN VÀ GIẢI PHÁP SỬ DỤNG HỢP LÍ			
Tài nguyên	Hiện trạng	Nguyên nhân	Giải pháp
Đất	- Tài nguyên đất đang bị suy giảm - Nhiều nơi bị thoái hóa	- Sản xuất và sinh hoạt - Thiên tai, biến đổi khí hậu...	- Xây dựng cơ chế, **chính sách** bảo vệ, **quy định** sử dụng đất. - Bảo vệ và trồng rừng. Canh tác hợp lí. - **Thích ứng** BĐKH và các thời tiết cực đoan. - Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức người dân.
Sinh vật	- Diện tích rừng tăng nhưng chất lượng chưa phục hồi, còn thấp. Rừng nguyên sinh còn ít, HST rừng ngập mặn giảm. - Đa dạng sinh vật: loài, gen, hệ sinh thái.	- Khai thác quá mức. - Biến đổi khí hậu, thiên tai...	- Thực hiện **Luật** đa dạng sinh học và BVMT. - Quy hoạch khu **bảo tồn** thiên nhiên và vườn quốc gia. - Tăng cường **trồng** và bảo vệ rừng. - **Tuyên truyền**, giáo dục, nâng cao ý thức người dân.
Nguồn nước	- Suy giảm + Thiếu nước + Mất cân bằng nước : mùa mưa – mùa khô - Ô nhiễm	- Biến đổi KH. - Khai thác quá mức. - Chất thải chưa qua xử lí. - Lạm dụng phân hóa học trong NN. - Phá rừng đầu nguồn. - Mùa khô kéo dài	- Ban hành bộ luật về sử dụng tài nguyên nước. - Quản lí mang tính thống nhất theo lưu vực và kết hợp địa bàn và hợp tác quốc tế. - Khai thác, sử dụng tiết kiệm, an toàn và hiệu quả. - Bảo vệ và duy trì các khu vực nguồn nước. - Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức người dân.

BÀI 14, 15: SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Biện pháp/giải pháp bảo vệ

Tài nguyên đất

Đồi núi

- **Chống xói mòn**

- **Áp dụng tổng thể:**

  - **Thủy lợi**
  - **Ruộng bậc thang**
  - **Đào hố vẩy cá**
  - **Trồng cây theo băng**

- **Trồng rừng nhằm chống xói mòn, cải tạo đất, hạn chế hoang mạc hoá, kết von, giảm nhẹ BĐKH.**
- **Nông – lâm kết hợp**

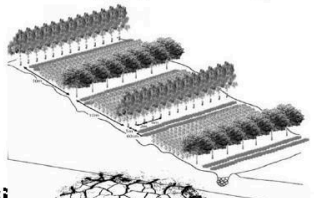

Đồng bằng

- **Thích ứng với biến đổi khí hậu** ↑ — **Thau chua, rửa mặn, thuỷ lợi**

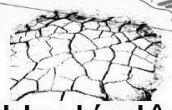

- **Canh tác hợp lí** — **Xen canh, sử dụng chế phẩm sinh học, bón phân hữu cơ**
- **Hạn chế khô hạn, mặn hoá, phèn hoá** — **Củng cố, hoàn thiện đê điều, công trình thuỷ lợi**

Câu 1. Biện pháp bảo vệ đất ở miền núi nước ta là
A. bón phân thích hợp. **B.** trồng rừng ven biển.
C. trồng cây theo băng. **D.** chống nhiễm mặn.

Câu 2 .Để chống xói mòn trên đất dốc ở vùng đồi núi, về mặt kĩ thuật canh tác cần thực hiện biện pháp
A.trồng cây theo băng, làm ruộng bậc thang. **B.** bảo vệ rừng và đất rừng.
C. ngăn chặn nạn du canh, du cư. **D.** cải tạo đất hoang, đồi núi trọc.

Câu 3 . Phát biểu nào sau đây đúng về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay?
A. Chất lượng rừng đã được phục hồi hoàn toàn. **B.**Rừng nghèo và mới phục hồi chiếm tỉ lệ lớn.
C. Diện tích rừng giảm nhanh, liên tục. **D.** Diện tích rừng giàu chiếm tỉ lệ lớn.

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh trong những năm gần đây là do
A. cháy rừng. **B.** chiến tranh. **C.** phá rừng. **D.** thiên tai.

Câu 5 . Biện pháp quan trọng nhất nhằm bảo vệ rừng đặc dụng của nước ta là
A. trồng rừng trên đất trống đồi trọc và khai thác hợp lí.
B.bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.
C. đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.
D. có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.
Câu 6 . Hoạt động nông nghiệp nào sau đây có nguy cơ cao dẫn tới ô nhiễm đất?
A. Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ. **B.** Trồng lúa nước làm đất bị glây.
C.Sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học. **D.** Canh tác không hợp lý trên đất dốc.
Câu 7: Biểu hiện suy giảm tài nguyên sinh vật ở nước ta là
A. đất bị xói mòn. **B.** ô nhiễm nguồn nước. **C.** gia tăng thiên tai. **D.** giảm đa dạng sinh học.
Câu 8: Biểu hiện suy giảm tài nguyên đất ở nước ta là
A. suy giảm độ phì. **B.** giảm nguồn gen di truyền.
C. suy giảm tài nguyên rừng. **D.** nhiều loài sinh vật tuyệt chủng.
Câu 9: Một trong những giải pháp để sử dụng hợp lí tài nguyên đất ở nước ta là
A. bón phân hóa học. **B.** không khai thác rừng. **C.** tăng cường canh tác. **D.** phát triển thủy lợi.
Câu 10: Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta hiện nay
A. chủ yếu diễn ra ở đô thị. **B.** mức độ gia tăng.
C. không gây tác động lớn. **D.** ít được quan tâm.
Câu 11. Nguyên nhân chính làm cho tổng diện tích rừng nước ta có xu hướng tăng lên là
A. trồng rừng, khoanh nuôi và bảo vệ rừng tự nhiên.
B. hạn chế tính trạng du canh, du cư của đồng bào dân tộc.
C. chiến tranh kết thúc.
D. cháy rừng ít xảy ra.
Câu 12. Đâu **không** phải là biểu hiện của sự suy giảm tài nguyên đất ở nước ta?
A. Xói mòn đất. **B**. Hoang mạc hóa. **C**. Diện tích đất ở tăng. **D**. Suy giảm độ phì.
Câu 15. Nguyên nhân trực tiếp gây ô nhiêm nguồn nước là
A. sự gia tăng nguồn nước thải từ các ngành kinh tế. **B**. khai thác quá mức tài nguyên nước.
C. biến đổi khí hậu. **D**. sự phân mùa của dòng chảy.
Câu 16. Đa dạng sinh học ở nước ta **không** thể hiện ở tiêu chí nào sau đây?
A. Số lượng loài. **B**. Nguồn gen quý hiếm. **C**. Các kiểu hệ sinh thái. **D**. Diện tích rừng.
Câu 17. Cho bảng số liệu:**DIỆN TÍCH RỪNG NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1943 – 2021**

Năm **Chỉ tiêu**	**1943**	**2010**	**2021**
Tổng diện tích rừng *(triệu ha)*	14,3	13,4	14,7
- Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	14,3	10,3	10,1
- Diện tích rừng trồng (triệu ha)	0	3,1	4,6
Độ che phủ *(%)*	43,0	39,5	42,0

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2022)

a. Tổng diện tích rừng tăng liên tục qua các năm.
b. Diện tích rừng nước ta chủ yếu là rừng tự nhiên.
c. Tỉ trọng diện tích rừng trồng tăng.
d. Mặc dù tổng diện tích rừng tăng nhưng chất lượng rừng vẫn thấp do diện tích rừng nghèo, mới phục hồi.
Câu 18. Đọc đoạn thông tin và chọn đúng hoặc sai ở mỗi ý a), b), c), d) sau đây.

Đất là tài nguyên quốc gia vô cùng quan trọng, là tư liệu sản xuất chủ yếu của nông nghiệp và lâm nghiệp. Tuy nhiên, việc sử đụng đất hiện nay chưa hợp lí làm cho tài nguyên đất đang bị suy giảm. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới sự suy giảm tài nguyên đất, trong đó có cả nhân tố tự nhiên và nhân tố con người.

a) Hoang mạc hoá, mặn hoá, phèn hoá, suy giảm độ phì, ô nhiễm đất,… là biểu hiện của suy giảm tài nguyên đất.

b) Tình trạng nước biển dâng, cát bay, sử dụng phân bón, chất thải công nghiệp,… là các nguyên nhân tự nhiên làm cho đất bị suy thoái.

c) Các chất thải công nghiệp, giao thông, sinh hoạt và sử dụng phân hoá học,… gây ô nhiễm đất, giảm độ phì trong đất.

d) Sự suy giảm tà nguyên rừng, biến đổi khí hậu, … dẫn tới tình trạng xói mòn, sạt lở, xâm nhập mặn,…